# BẢNG CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA TỪNG LOẠI XE

## 1. Thông tin chung

1.1 Tên cơ sở sản xuất: **CÔNG TY CỔ PHẦN MOTOR THÁI**

1.2 Địa chỉ : Số 6, đường Đinh Thị Vân, phường Hạ Long, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

1.3 Loại phương tiện: Xe gắn máy hai bánh

1.4 Nhãn hiệu: MOTOR THAI

1.5 Tên thương mại: /

1.6 Mã kiểu loại (số loại): LV

1.7 Số giấy chứng nhận: 10201/VAQ06-01/24-00

1.8 Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 6804 /NETC-M/24/C ngày: 11/06/2024

## 2. Thông số kỹ thuật của xe

2.1 Khối lượng bản thân: 85 kg

2.2 Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 215 kg

2.3 Động cơ

2.3.1 Kiểu động cơ: MOTORTHAI VZS1P39QMB-20 Loại động cơ: Xăng 04 kỳ, 01 xi lanh, làm mát bằng không khí

2.3.2 Thể tích làm việc (dung tích xy lanh): 49,5 $cm^3$

2.3.3 Công suất lớn nhất/ số vòng quay: 2kW/7500vòng/phút

2.4 Hệ thống cung cấp nhiên liệu: chế hòa khí

2.5 Hộp số

2.5.1 Điều khiển: Tự động

2.5.2 Số lượng tỷ số truyền: 0

2.5.3 Tỷ số truyền từng cấp số:

Số 1: /

Số 2: /

Số 3: /

Số 4: /

2.6 Tỷ số truyền cuối cùng: 13,12

2.7 Lốp

2.7.1 Ký hiệu cỡ lốp trục 1: 3.50-10 áp suất: 250 kPa

2.7.2 Ký hiệu cỡ lốp trục 2: 3.50-10 áp suất: 250 kPa

2.8 Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 48km/h

**3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu**

3.1 Chu trình thử: TCVN 7358:2010

3.2 Mức tiêu nhiên liệu công khai: 1,7 lít/100 km

**4. Mẫu nhãn năng lượng công khai**

5. Ghi chú ( nếu có):.....

.....

.....

.....

*Nam Định,ngày 06 tháng 08 năm 2024*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MOTOR THÁI**

*(Ký tên, đóng dấu)*

CÔNG TY CỔ PHẦN MOTOR THÁI

GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Hồng Ngân

Ghi chú:

[1] : *Gạch ngang phần không áp dụng .*

[2] : *Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại;*

*Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm.*